

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2022

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

2. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Thanh L, sinh năm 1984; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Hòa S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1990; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Định B, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn anh Đặng Thanh L trình bày:

Vào năm 2013 anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Trịnh Thị Ngọc Y và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Th, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh L khai sau khi cưới nhau được 03 năm đầu vợ chồng anh sống chung rất hạnh phúc nhưng ba năm sau ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên nay không còn quan tâm lẫn nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngọc Y.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có nên anh không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Thanh L đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (một) căn cước công dân của anh Đặng Thanh L; 01 (một) căn cước công dân của chị Trịnh Thị Ngọc Y (Có công chứng); 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình do mẹ ruột chị Trịnh Thị Ngọc Y là bà Nguyễn Thị M làm chủ hộ, hộ khẩu mang số 335567 quyền số: 2233; ngày 13/06/2009 của Công an huyện Tiểu Cần cấp (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 01 (một) giấy Trích lục kết hôn (bản sao) số: 173 ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Thới cấp (bản sao).

Tại bản tự khai đề ngày 06/10/2022 bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc Y trình bày: Chị Y thống nhất theo lời trình bày của Anh L về thời gian đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Giữa chị và anh Đặng Thanh L có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới. Do hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau và quan tâm lẫn nhau nên Anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Anh L, vì chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Thanh L xin ly hôn với chị Trịnh Thị Ngọc Y nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc Y có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đặng Thanh L, bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc Y đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thanh L và chị Trịnh Thị Ngọc Y xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh Đặng Thanh L và chị Trịnh Thị Ngọc Y là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án Anh L và chị Y đều thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Anh L với chị Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng thống nhất thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Thanh L với chị Trịnh Thị Ngọc Y.

[4]. Đối với con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Thanh L và chị Trịnh Thị Ngọc Y thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Thanh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Thanh L với chị Trịnh Thị Ngọc Y.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Thanh L và chị Trịnh Thị Ngọc Y thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Đặng Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002947 ngày 06-10- 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, như vậy Anh L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Long Thới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan